

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v tranh chấp do chậm

thực hiện nghĩa vụ thanh toán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

2. Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Em - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2019/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Huỳnh Khánh Mỹ L**, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH A. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Anh **Trịnh Minh T**, sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp Thống nhất, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2019). (vắng mặt)

+ Anh **Đặng Văn T1**, sinh năm: 1994, địa chỉ: Ấp Ninh Thuận, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2019). (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Bùi Thúy D**, sinh năm: 1977 – Chủ hộ kinh doanh cá thể. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A1, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Từ trước năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi tắt là Công ty) có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng là mặt hàng xi măng với bà Bùi Thúy D (sau đây gọi tắt là bà D) - Chủ Cửa hàng Vật liệu xây dựng TH. Việc mua bán không làm hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Công ty là bên bán, bà D là bên mua. Quá trình giao dịch, do bà D kéo dài thời gian thanh toán tiền mua hàng nên Công ty không tiếp tục bán hàng cho bà D. Đến cuối năm 2016 bà D vẫn chưa thanh toán dứt điểm nợ cho Công ty. Tại buổi đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 28/12/2016 bà D thừa nhận Cửa hàng Vật liệu xây dựng TH còn nợ Công ty tổng số tiền 34.924.000 đồng. Sau đó, bà D có thanh toán cho Công ty số tiền 10.868.000 đồng, còn nợ lại Công ty 24.056.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thúy D thanh toán cho Công ty khoản tiền mua hàng còn nợ với số tiền 24.056.000 đồng.

- Tại phiên tòa ngày 18/7/2019, anh Đặng Văn T1 trình bày: Trước đây anh và anh Trịnh Minh T (đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH A) có trình bày giao dịch giữa Công ty TNHH A với bà Bùi Thúy D – Chủ cửa hàng VLXD TH diễn ra vào năm 2015. Nay với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH A, anh xác định: Giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH A với bà Bùi Thúy D diễn ra từ trước năm 2013, kết thúc giao dịch vào tháng 01/2013; Khi giao dịch với Công ty, bà D nhận bà là người đại diện theo pháp luật của Cửa hàng VLXD TH và cung cấp cho Công ty mã số thuế của cơ sở TH là 2000468320. Do tin tưởng bà D nên Công ty không yêu cầu bà D chứng minh tư cách pháp nhân khi giao dịch với Công ty, cũng không ký hợp đồng mua bán bằng văn bản với bà D mà chỉ thỏa thuận việc mua bán bằng lời nói; bà D đặt mua hàng của Công ty qua điện thoại. Đến nay Cơ sở TH còn nợ lại Công ty tiền mua hàng với tổng số tiền 24.056.000 đồng chưa thanh toán. Nay Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Bùi Thúy D - Chủ Cửa hàng VLXD TH thanh toán cho Công ty số tiền nợ gốc là 24.056.000 đồng.

- Tại phiên tòa xét xử ngày 19/8/2019, sau khi được Hội đồng xét xử công khai các chứng cứ Tòa án thu thập được từ Ủy ban nhân dân thành phố C, Chi cục Thuế thành phố C, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định: Bà D trực tiếp giao dịch với Công ty TNHH A, bà D là chủ hộ kinh doanh nên nguyên đơn yêu cầu bà Bùi Thúy D thanh toán cho Công ty khoản nợ còn lại với số tiền 24.056.000đ. Ngoài ra Công ty không có yêu cầu nào khác.

- Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 28/02/2019, bà Bùi Thúy D trình bày: Năm 2015, bà và chồng là ông Trịnh TH có kinh doanh Cửa hàng Vật liệu xây dựng, ông Trịnh TH là người đại diện theo pháp luật của cơ sở TH nêu trên. Cơ sở TH có mua hàng của Công ty TNHH A, bà có tham gia trong giao dịch mua bán này. Bà D thừa nhận Cửa hàng VLXD TH còn nợ Công ty TNHH A số tiền 24.056.000 đồng đến nay chưa thanh toán; khoản nợ nêu trên là nợ chung của bà và ông Trịnh TH; bà và ông Hiếu đã ly hôn vào năm 2016 nên bà chỉ đồng ý thanh toán một nửa khoản nợ cho Công ty TNHH A.

- *Tại Biên bản làm việc ngày 17/6/2019, bà D trình bày:* Năm 2010 Cửa hàng VLXD TH có ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH A, mua bán mặt hàng vật liệu xây dựng là xi măng hiệu Pico. Cửa hàng là bên mua, Công ty là bên bán. Việc giao dịch mua bán kết thúc vào khoảng đầu năm 2013, bà không nhớ rõ ngày tháng cụ thể. Sau khi ngưng lấy hàng của Công ty, Cửa hàng còn nợ lại Công ty một khoản tiền hàng chưa thanh toán. Thời gian hai bên giao dịch, ông Trịnh TH là chủ Cửa hàng VLXD TH. Đến ngày 28/12/2016, khi đối chiếu công nợ với Công ty thì Cửa hàng còn nợ Công ty số tiền mua hàng là 34.924.000 đồng, bà là người đại diện Cửa hàng VLXD TH ký vào “Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ” ngày 28/12/2016 với Công ty. Sau khi ký đối chiếu công nợ, Cửa hàng có thanh toán cho Công ty một phần nợ. Bà là chủ Cửa hàng VLXD TH từ ngày 11/3/2014 nên giao dịch trước đây giữa Cửa hàng và Công ty bà không hoàn toàn chịu trách nhiệm. Khoản tiền mua hàng còn nợ lại Công ty TNHH A là nợ chung của bà và ông Trịnh TH nên bà chỉ đồng ý trả một nửa số nợ cho Công ty, không đồng ý trả toàn bộ số tiền 24.056.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau trình bày quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4, Điều 24, khoản 1 và khoản 2 Điều 50 Luật Thương mại; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện bà Bùi Thúy D, xác định bà D là chủ Cửa hàng VLXD TH, yêu cầu bà D thanh toán cho Công ty khoản nợ do mua hàng của Công ty đến nay chưa thanh toán dứt điểm. Do đó tranh chấp giữa Công ty TNHH A với bà Bùi Thúy D - Chủ Cửa hàng VLXD TH được xác định là tranh chấp về Kinh doanh, thương mại phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Bùi Thúy D đang cư trú và kinh doanh tại phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong thời gian bà D giao dịch mua hàng của Công ty TNHH A, bà D là chủ hộ kinh doanh cá thể, không phải chủ Cửa hàng VLXD TH nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn trong vụ án là bà Bùi Thúy D - Chủ hộ kinh doanh cá thể.

[2] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Mặc dù Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập của Tòa án triệu tập bà Bùi Thúy D đến Tòa án nhân dân thành phố C để tham gia phiên tòa xét xử vụ án về việc tranh chấp

với Công ty TNHH A nhiều lần nhưng bà D vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Bùi Thúy D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và trách nhiệm thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện pháp của Công ty TNHH A xác định bà Bùi Thúy D là đại diện theo pháp luật của Cửa hàng VLXD TH, có mã số thuế: 2000468320. Giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty với Cửa hàng VLXD TH đã kết thúc vào năm 2013; Công ty không tranh chấp với Cửa hàng VLXD TH về hợp đồng mua bán hàng hóa, chỉ tranh chấp do đến nay bà Bùi Thúy D vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Công ty. Trong khi đó, bà Bùi Thúy D khai từ năm 2010 đến đầu năm 2013 Cửa hàng VLXD TH có ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH A, mua của Công ty mặt hàng vật liệu xây dựng là xi măng hiệu Pico. Sau khi ngưng lấy hàng của Công ty, cửa hàng TH còn nợ Công ty một khoản tiền hàng chưa thanh toán. Năm 2016, bà có ký đối chiếu và xác nhận công nợ với Công ty A, thừa nhận đến ngày 28/12/2016 cửa hàng TH còn nợ tiền mua hàng của Công ty với tổng số tiền 34.924.000đ. Sau đó bà có thanh toán cho Công ty một phần nợ nên cửa hàng TH chỉ còn nợ lại Công ty TNHH A số tiền 24.056.000 đồng. Thời gian hai bên giao dịch, ông Trịnh TH là chủ cửa hàng VLXD TH, cửa hàng TH đã ngưng hoạt động vào năm 2016, bà và ông Hiếu cũng đã ly hôn năm 2016, khoản nợ nêu trên là nợ chung của bà và ông Hiếu nên bà chỉ đồng ý trả một nửa số tiền còn nợ. Nhận thấy đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bà D có lời khai không thống nhất với nhau về tư cách pháp nhân của bị đơn nhưng không ai cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã xác minh thông tin về tư cách pháp nhân của bị đơn từ các cơ quan có thẩm quyền. Tại Công văn số 1791/UBND – KT ngày 08/8/2019, Ủy ban nhân dân thành phố C xác định: Từ năm 2009 đến trước ngày 11/3/2014, không có tên cơ sở TH đăng ký kinh doanh. Đến ngày 11/3/2014, bà Bùi Thúy D có đăng ký kinh doanh mua bán nội thất tại địa chỉ khóm B, phường A1, thành phố C; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 61A80010679; bảng hiệu TH. Từ ngày 11/3/2014 đến nay, cơ sở TH vẫn còn hoạt động, không xin thay đổi thông tin nào trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nêu trên. Tại công văn số 574/CCT-KK-KTT&TH ngày 19/8/2019, Chi cục Thuế thành phố C, tỉnh Cà Mau xác định: Hộ bà Bùi Thúy D kinh doanh mặt hàng: Trang trí nội thất; địa chỉ khóm A1, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau; mã số thuế 2000468320 do Chi cục Thuế thành phố C cấp ngày 11/02/2007; hiện nay tình trạng hộ đang hoạt động. Do đó có cơ sở xác định từ trước ngày 11/3/2014, không có cơ sở TH được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh tại thành phố C. Vì vậy giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH A với bà Bùi Thúy D được xem là giao dịch giữa Công ty với chủ hộ kinh doanh cá thể, không phải là giao dịch mua bán với Cửa hàng Vật Liệu xây dựng TH do ông Trịnh TH đại diện theo pháp luật như bà D trình bày. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Công ty với bà D được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán giữa Công ty TNHH A với bà Bùi Thúy D – chủ hộ kinh doanh cá thể.

[4] *Về trách nhiệm thanh toán*: Giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH A với bà Bùi Thúy D không ký kết hợp đồng bằng văn bản mà giao kết hợp đồng bằng lời nói; mặt hàng Công ty và bà D thỏa thuận mua bán là xi măng. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng được diễn ra từ trước tháng 02/2013 (đã kết thúc việc mua bán vào tháng 01/2013, không xác định được ngày tháng cụ thể). Đại diện nguyên đơn và bà D xác định giao dịch mua bán đã chấm dứt vào đầu năm 2013. Các bên không tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, vấn đề đặt ra là nghĩa vụ thanh toán nợ sau khi hợp đồng mua bán chấm dứt. Công ty yêu cầu bà Bùi Thúy D thanh toán cho Công ty khoản nợ mua hàng còn lại với số tiền 24.056.000 đồng; bà D cho rằng bà là người thay mặt cửa hàng VLXD TH giao dịch với Công ty nên không đồng ý thanh toán toàn bộ nợ theo yêu cầu của Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty TNHH A không chứng minh được bà D là đại diện theo pháp luật của cơ sở TH; bà D cũng không chứng minh được ông Trịnh TH là đại diện theo pháp luật của cơ sở TH trong thời gian bà D đặt mua hàng của Công ty A. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân thành phố C xác định không có cơ sở TH đến Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố C đăng ký kinh doanh trước tháng 3/2014; Chi cục Thuế thành phố C xác định cơ quan thuế cấp mã số thuế 2000468320 cho hộ bà Bùi Thúy D; bà D ký đối chiếu và xác nhận công nợ với Công ty, thừa nhận cơ sở kinh doanh do bà đại diện có mã số thuế 2000468320; Quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình giữa bà D với ông Trịnh TH, bà D đã xác định bà và ông Hiếu không có nợ chung. Vì vậy bà Bùi Thúy D phải chịu trách nhiệm đối với các giao dịch giữa bà với Công ty TNHH A trong thời gian bà và Công ty A phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa. Khoản nợ còn lại trong quá trình mua bán hàng hóa giữa bà D với Công ty A được xác định là 24.056.000 đồng. Do đó yêu cầu của Công ty TNHH A đặt ra đối với bà Bùi Thúy D là có căn cứ chấp nhận. Do tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không đặt ra yêu cầu nào khác đối với bà Bùi Thúy D nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 24, 50, 317, 319 Luật thương mại;
- Căn cứ các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A. Buộc bà Bùi Thúy D – Chủ hộ kinh doanh cá thể thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 24.056.000 đồng (*hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thúy D không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Bùi Thúy D phải chịu 3.000.000đ (chưa nộp). Công ty TNHH A không phải chịu án phí, ngày 04/12/2018, Công ty TNHH A đã nộp tạm ứng án phí 3.000.000đ (theo biên lai số 1679) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân